

ỨNG THÂN CỦA ĐỨC QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Chư Phật và chư Bồ Tát đều có Pháp thân, Báo thân và Hó Thân. “Hó thân” còn được gọi là “Ứng thân”, “Đến hoá thân”, “Ý sinh thân”. Hó thân có nghĩa là tùy cơ duyên mà ứng hiện cho thích hợp.

Trong Kinh “Phật Địa Kinh Luận - Quyển thứ 7 – có giải thích rằng: “*Đến hoá thân tức là dựa theo mục đích lợi ích và an lạc của chúng sinh mười phương, để có thể biến hoá thành các dạng khác nhau*”.

Để độ thoát chung sanh ở thế gian, Quán Thế Âm Bồ Tát đã tùy theo mức độ cần thiết và tình hình cụ thể của Lục Đạo trong Tam giới mà biến hoá thành các hình tượng và các thân phận, sao cho thích hợp, tùy theo “linh hoạt từng lúc, từng nơi, hiện thông để thuyết giảng”.

Đức Quán Thế Âm có thể hoá thân thành 33 dạng khác nhau.

1- Thân Phật

2- *Thân Phật Bích Chi*: Phật Bích Chi tức là “Duyên Giác”, cũng được gọi là “Độc Giác”, dùng để chỉ những người đã giác ngộ, nhờ vào trí tuệ của chính mình mà đắc đạo.

3- *Thân Thanh Văn*: Đây là chỉ những vị đã giác ngộ sau khi đã được nghe những lời dạy của đức Phật Thích Ca; sau đó, họ đạt được mục đích là giải thoát cho chính mình; cuối cùng thì có thể trở thành vị La Hán.

Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát hợp lại thành “Tam thừa”.

4- *Thân Phạm Vương*: Tức là Đại Phạm Thiên Vương; ngài vốn là một trong ba vị thần lớn nhất của Bà La Môn Giáo và Ấn Độ Giáo, là vị thần Đại Sáng tạo.

Sau khi được đức Phật giáo hoá, ngài trở thành Thần Hộ Pháp, là một trong 12 Chư thiên.

5- *Thân Đế Thích*: Tức là Thiên Đế Thích; ngài vốn là người đứng đầu trong các Thiên thần của Ấn Độ Giáo. Ngài cũng được tôn xưng là “Thiên Giới Đại Vương”.

Đức Phật đã thu nạp vị này để làm Thần Hộ Pháp, như Phạm Vương (kể trên).

6- *Thân Tự Tại Thiên*: (tức là Quán Tự Tại Bồ Tát) (xem phần giải thích ở phần 7)

Được tôn xưng là Bồ Tát của muôn khả năng cứu độ.

7- *Thân Đại Tự Tại Thiên*: Đại Tự Tại Thiên tức là Thập Bà (Shiva), một trong 3 vị Đại Thần của Bà La Môn Giáo và Ấn Độ Giáo. Ngài được biểu trưng là “Thần Hủy Diệt” (tiêu diệt kẻ gây rối). Ngoài ra, cũng được tôn xưng là “Thần Khổ Hạnh” hay “Thần Vũ Đạo” (Ca múa).

Về sau Ngài được đức Phật thu nạp, trở thành 1 trong 12 Chư thiên của Đoàn Hộ Pháp. Trong Mật Giáo của Tây Tạng, Ngài còn trở thành Đại Hắc Thiên Thần.

8- *Thân Thiên Đại Tướng Quân*: Vị này đứng đầu trong 12 vị Hộ Pháp do tài năng và sức mạnh phi thường của mình.

9- *Thân Tỳ Sa Môn Thiên*: Tỳ Sa Môn là Thiên Vương Phương Bắc trong Tứ Đại Thiên Vương (còn gọi là Tứ Đại Kim Cang), Thác Tháp Lý Thiên Vương của Trung Quốc, do diễn hoá từ Ngài mà ra.

10- *Thân Tiểu Vương*

11- *Thân Trưởng Giả*

12- *Thân Tể tướng*

13- *Thân Bà La Môn*: Bà La Môn (Brahma) là đẳng cấp cao nhất trong 4 đẳng cấp của Ấn Độ cổ đại.

14- *Thân cư sĩ*: Trong kinh này, cư sĩ dùng để chỉ những người tin Phật nhưng chưa xuất gia.

15- *Thân Tỳ kheo*: Tỳ kheo dịch âm tiếng Phạn là Bhikṣu, còn được gọi là “Tất Sô” (cổ thơm), dịch ý từ “khất sĩ”, “khất sĩ nam”; dùng để chỉ những tăng sĩ sau khi đã xuất gia, thọ đủ các giới của nhà Phật.

Với Thân Tỳ Kheo, Ngài dễ tham gia cứu độ có tiện nghi hơn.

16- *Thân Tỳ kheo ni*: Tỳ kheo ni dịch âm tiếng Phạn là Bhiksuni, còn được gọi là “Tất Sô ni”. Dịch ý là “Khất sĩ nữ”, cũng được gọi là “Sa môn nữ”; dùng để chỉ những người phụ nữ sau khi đã xuất gia, thọ đủ giới Phật Giáo.

17- *Thân Ưu Bà Tắc*: Ưu Bà Tắc dịch âm tiếng Phạn là Upasaka. Dịch ý là “Thanh tín sĩ” hay “Cận Thiện nam” (tức là: những người có lòng tin trong sáng, những người nam tìm về nếp thiện). Dùng để chỉ những nam cư sĩ tại gia quy y Tam Bảo, thọ 5 giới.

18- *Thân Ưu Bà Di*: Ưu Bà Di dịch âm tiếng Phạn là Upasika. Dịch ý là “Cận thiện nữ” hay “Thanh tín nữ”, “Tín nữ”. Dùng để chỉ những nữ cư sĩ tại gia, thọ 5 giới.

19- *Thân phụ nữ trưởng giả*

20- *Thân phụ nữ cư sĩ*

21- *Thân phụ nữ tế quan*

22- *Thân phụ nữ Bà la môn*

23- *Thân đồng nam*

24- *Thân đồng nữ*

25- *Thân thiên*: “Thiên” trong đoạn kinh này để chỉ các vị Thần. Thiên thần trong tín ngưỡng này có rất nhiều: Đại Phan Vương Thiên, Đế Thích Thiên, Đại Thiên, Đại Tự Tại Thiên, Đại Công Đức Thiên, Quỷ Tử Mẫu Thiên, Vi Đà Thiên, Đại Cát Trường Thiên nữ, Đại Hắc Thiên.

Những ứng thân này có thể trấn áp những chúng ngại lớn.

26- *Thân rồng*: (Rồng trong tín ngưỡng cổ xưa của Ấn Độ là loài rắn). Theo kinh văn, đức Phật có đủ thần lực để điều khiển những bầy rắn. Như thế, rắn cũng được xem là Thần Hộ Pháp.

27- *Thân Dạ xoa*: Dạ Xoa dịch từ tiếng Phạn là “Yaka”; còn được gọi là “Dược xoa” hay “Dạ Khất Xoa”. Dạ Xoa được đức Phật thu nạp để làm Hộ Pháp. Thân Vương Tỳ Sa Môn có 8 tướng Dạ Xoa, 16 Đại Dược Xoa Tướng, hàng chục ngàn Tiểu Dạ xoa.

28- *Thân Càn Thát Bà*: Càn Thát Bà là “hương thần” hay “lạc thần”. Vốn là những quần thần của Bà La Môn giáo, sau theo Phật Giáo. Họ chuyên về diễn tấu, ca hát.

29- *Thân Atula*: Atula vốn là một dạng thần linh trong thần thoại Ấn Độ, có khuôn mặt xấu xí. Sau được thu nạp làm Thần Hộ Pháp.

30- *Thân Ca Lôu La*: Ca Lôu La là con chim có cánh màu vàng. Chim này rất to lớn, không gì sánh bằng. Huyền thoại cho rằng: Cánh chim của Ca Lôu La dang ra đến 168 vạn cây số. Ca Lôu la cũng là Thần Hộ Pháp.

31- *Thân Tử Na La*: Đây là vị Thần chuyên ca hát, tụng và xướng.

32- *Thân Ma Hầu La Ca* Tức là Thần Mãng Xà Vương.

33- *Thân Thần Cháp Kim Cang* Tức là Thần Dạ Xoa có cầm gậy Kim Cang.

NHỮNG VỊ THỊ GIẢ CỦA ĐỨC QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

“Thị giả” trong nguyên nghĩa là: người giúp việc, người theo hầu, người đi kèm (Trung Quốc đại từ điển).

Trong những tranh tượng, điêu khắc, đồ họa, khi Bồ Tát Quan Thế âm phổ độ chúng sanh, thường có hai vị “thị giả” (hay Đại sĩ) quan trọng: Thiên Tài Đồng Tử ở bên trái là Long Nữ (hay Đại Long Nữ Vương) ở bên phải.

Cũng thường được so sánh là hai vị thị giả của đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát và Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát.

Thị giả của đức Phật A Di Đà là Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát.

Thị giả của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật là Ngài Nhật Quang Bồ Tát và Nguyệt Quang Bồ Tát.

Chư vị Bồ Tát quan trọng khác cũng thường có thị giả ở hai bên tả hữu.

Thị giả của Quán Thế Âm Bồ Tát, như thường thấy, trong Phật Giáo Mật Tông và Thiên Thai Tông lại còn có “28 bộ chúng”.

Danh mục chính của “28 bộ chúng” tùy theo các bộ kinh điển và danh xưng cũng có khác. Đại thể thường gồm có:

Mật Tích Kim Cương Vương

Ma Hê Thủ La Vương

Nà La Diên Kiên Cố Vương

Kim Tỳ La Vương

Ma Hà La Vương

Tất Bà Ca La Vương

Ngũ Bộ Tịnh (Vương)

Thiên Đế Thích

Đại Điện Công Đức Thiên

Đông Phương Thiên

Thần Mẫu Thiên

Tì Lâu Lạc Xoa Thiên Vương

Tì Lâu Bắc Xoa Thiên Vương

Kim Sắc Khổng Tước Vương

Tì Sa Môn Thiên Vương

Bà Tấu Tiên Vương

Tán Đà Long Vương

Nạn Đà Long Vương

Càn Thát Bà Vương

Ca Lâu Vương

Ma Hầu La Ca Vương

Khẩn Na La Vương

Đại Phạm Thiên Vương

Kim Đại Vương

Mãn Tiên Vương

Ghi chú

1- Ngoài những vị thị giả trên đây của đức Quán Thế Âm “thiên thủ, thiên nhãn”, lại còn có nhiều vị thần khác, kể cả vị thần của Bà La Môn Giáo hay Ấn Độ Giáo, thể hiện bằng: Thần Thủy, Thần Hỏa, Thần Lôi, Thần Điện.

2- Danh sách thường được kê thêm là 20 chư Thiên và Thiên Long Bát Bộ.

3- Sự hiện thân của những vị thị giả này còn tùy theo trường hợp và chúng sanh cần được cứu độ, với những đặc tánh và công năng của họ.

THIỆN TÀI ĐỒNG TỬ

Những giai thoại:

Thiện Tài Đồng Tử là thị giả đứng hầu hai bên đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Tranh tượng này đã có từ lâu. Các nhà khảo cổ học đã tìm ra được những bức tranh đầu tiên của thể loại này tại khu di chỉ khảo cổ học Đôn Hoàng.

Hầu hết các nhà nghiên cứu nghệ thuật Phật Giáo đều muốn tìm kiếm những loại tranh tượng nguyên thủy này. Mục đích là phác họa lại đúng đắn ý nghĩa đó.

Người ta thường nói đến đề tài “Thiện Tài, Đồng Tử ngũ thập tam tham” (53 lần tham vấn Thiện Tài Đồng Tử”. Hiện nay các khuynh hướng nghiên cứu nghệ thuật tranh Quán Thế Âm đều hướng về đề tài này.

Giai thoại về Thiện Tài Đồng Tử

Ở vị trí trung ương của hải đài chùa Linh Ẩn (Hàng Châu) là bức tượng Quán Thế Âm với bàn chân của ngài dẫm lên trên con rùa lớn. Đây là ý nghĩa trấn áp những nguy nan.

Tương truyền rằng:

Ở tận sâu dưới trung tâm lòng đất của nhân gian, từ bao nhiêu kiếp trước, có một con “Hải quy” (rùa biển không lồ, có oai lực vô biên). Mỗi khi con rùa biển này động đậy, thì lập tức thay đổi ghê gớm toàn thể trái đất này. Do đó, đức Quán Thế Âm Bồ Tát mới tìm cách chinh phục nó, lấy chân với hùng lực của mình chế ngự và dẫm lên con rùa biển. Trần gian nhờ đó bình an.

Biểu tượng “rùa biển” trong thể tài dùng ám chỉ những tai kiếp khổng lồ, cùng khắp. Thi ca thể hiện đề tài này rất nhiều dạng thức.

Trong hình, phía trên đức Quán Thế Âm là tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát. Ở vị trí cao nhất là tượng đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khi hiện hình của Ngài đang tu đạo ở vùng rừng núi Linh Thứu, sống khổ hạnh trong nhiều năm. Bên cạnh, có con vượn trắng và con hoẵng, vì cảm động trước sự tu hành khổ hạnh của đức Phật, nên chúng dâng hiến hoa quả và sữa cho Ngài trong nhiều năm.

Nổi bật nhất trong quần tượng nổi tiếng này là hai vị thị giả đứng hai bên của đức Quan Âm phía bên trái là một vị có tướng mạo nam giới, ngài chính là “Thiện Tài Đồng Tử”. Còn phía bên phải là một vị có tướng nữ nhân, là vị thị giả của đức Quan Âm là “Long Nữ”.

Xuất xứ của nhân vật

Nhân vật Thiện Tài có nguồn gốc huyền thoại, theo truyền thuyết dân gian khác nhau. Con đường tu hành để trở thành thị giả của đức Quán Thế Âm như thế nào?

“Thiện Tài” được dịch từ Phạn ngữ là “Sudhana”, cũng được gọi toàn chữ là “Thiện Tài Đồng Tử”. Ngài là một vị Bồ Tát (có sách chép là La Hán) trong tín ngưỡng Phật Giáo.

Thiện Tài Đồng Tử tuy được diễn tả trong các tranh tượng như là “một đức bé thiện chân”, nhưng thực ra, tên “đồng tử” này không hề là để chỉ một cậu trẻ con, không hề mang hàm ý “thiếu niên”, “nhi đồng”.

Trong nhiều Kinh văn, chính một số Bồ Tát như Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Đại Hạnh Phổ Hên Bồ Tát, Bảo Tích Bồ Tát, ngài Nguyệt Quang... cũng từng được gọi là “Đồng Tử Văn Thù Sư Lợi”, “Đồng Tử Bảo Tích”, “Đồng tử Nguyệt Quang”.

Như thế, trong ý nghĩa này, Phật Giáo gọi các vị Bồ Tát là “Phật Hậu Bồ” (sẽ thay thế đức Phật sau này), tương lai sẽ đăng Phật.

Mặt khác, chư vị Bồ Tát đều giữ giới thanh tịnh, “trông như trẻ con”, không hề tham, sân, si, dục vọng. Nghĩa “Đồng tử” theo chiều hướng đó. Sai lầm từ những người sáng tác sau này. “Đồng tử” cũng còn mang ý nghĩa là “Hàn toàn thuần khiết”.

Căn cứ theo Kinh văn trong cuốn “Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm – Phẩm Nhập Pháp Giới” có đoạn viết như sau:

“Một thời, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi sống ở vùng Sala, tại Trang Nghiêm Tràng của miền đông của Phúc Thành. Một trong những nhà phú hộ nổi tiếng tin theo Phật Giáo là Gia Hán Phúc, ngoại ô Phúc Thành, có đến 500 người con. Thiện Tài

là người con thứ trong gia đình đó. Khi chưa đắc đạo thành Bồ Tát vẫn còn là hài đồng”. Không còn chi tiết gì thêm hơn về nhân vật này trong tài liệu đó cả.

Danh xưng

Vậy thì, vì sao cậu bé trong gia đình đó lại có tên là “Thiện Tài”?

Theo ghi chép phần Phụ chú sau này của bản Kinh kia (đời Hậu Tấn) bổ sung lại sau này thì ghi: Khi Thiện tài chào đời, 500 thứ bảo khí tự nhiên xuất hiện, gia đình này sẵn đà làm ăn khá giả, lại mua thêm nhiều báu vật và tài vật. Tất cả chứa trong kho tàng đầy ắp. Vì có chuyện này, cha mẹ cùng họ hàng của Gia Hân Phúc nghe theo lời thầy tướng số, đặt tên cho cậu bé sơ sinh đó là “Thiện Tài”.

Dân chúng trong vùng về sau suy luận thêm rằng: Vị Bồ Tát đương nhiên là “Thần linh cao cấp” trong Phật Quốc, khi giáng trần, tất nhiên phải sẽ trở thành bậc phi phàm Trên trời đã hiện ra và giáng xuống nhiều châu báu cho gia đình này. Kho tàng của cải họ Gia đã đầy ắp. Quý tử sinh ra đồng thời với vận may đó, cho nên dùng tên “Thiện Tài” để đặt.

Trong Kinh Hoa Nghiêm Thâm Huyền Nghĩa, quyển 12, Cao tăng Pháp Tạng đời nhà Đường biên soạn đã giải thích:

“Do được phước báo, của cải đầy ắp trong nhà, cho nên đặt tên là “Tài”. Điều đó tức là lấy thiện để làm nhân đức, lấy tài làm quả. Vì lúc sinh thời, có được nhiều của cải; về sau, đức hạnh cậu bé hiện ra rõ, cho nên gọi là “Thiện”.

Sau khi giải thích như vậy, giáo sư Mã Thư Điền kết luận rằng: “Câu chuyện thần thoại theo kiểu “Thiện Tài” trên đây có rất nhiều trong điển tịch Phật Giáo. Tất nhiên, điều này không phải là không dùng để tuyên truyền giáo lý và giáo nghĩa của Phật Giáo...” (trích Các Vị Thần PG Trung Quốc – trang 291).

Thời kỳ cầu đạo

Khi lớn lên, Thiện Tài dần dà hiểu thấu được bản chất của trần thế này, xem tài vật có được chẳng khác gì là cỏ rác, vạn vật đều là không, nên đã phát nguyện tu hành, để rồi về sau đắc quả Bồ Tát.

Tài liệu trên lại còn ghi thêm chi tiết như sau

Vào hồi đó, Thiện Tài và gia đình sống gần bờ sông. Chàng liền cung thỉnh Bồ Tát Văn Thù về nhà giảng Phật pháp cho mọi người am hiểu. Đức Văn Thù chỉ cho Thiện Tài như sau:

“Một khi đã cầu thiện trí thức, thì không được lơ là, không được gián đoạn. Nếu đã gặp thiện trí thức, không được đem lòng kinh ghét. Những lời dạy bảo của các bậc thiện trí thức đều phải thấu hiểu và làm theo. Những chỉ dẫn để tô bồi cuộc sống không được bỏ lỡ”.

Suốt trong thời gian cầu học đạo, Thiện Tài luôn theo những điều giáo huấn đó. Đây là giai đoạn tìm học đầu tiên của Thiện Tài.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát khuyên Thiện Tài nên đi về nước Thắng Lạc (Tshang Lat) ở miền Nam cầu đạo cao cả của Hà Thượng Công Đức Vân, để có thể tinh tấn thêm trên đường tu học.

Thiện Tài vâng theo lời Bồ Tát Văn Thù, đến núi Thú Dương, cầu đạo với Hà Thượng Đức Vân. Nhưng khi đó Hà Thượng mang trọng bệnh, sức khỏe yếu kém, nên khuyên Thiện Tài có thể học hỏi ở Trưởng Giả Di Ca.

Qua những chương ngại không lường trước, hết vị nọ đến vị kia, cuối cùng thì Thiện Tài Đồng Tử đã tham vấn đến 53 vị Thiện Trí Thức. Một số đã trở thành minh sư của Thiện Tài. Cũng nhờ tinh thần cầu học, khiêm tốn, tu tập không ngừng, trải qua hàng vạn gian lao, vất vả, Thiện Tài đã chiến thắng tất cả những gian lao vất vả, bằng lòng nhiệt thành, không ngại khổ.

Theo Kinh văn, Thiện Tài đã tổng hợp được nhiều tư tưởng sâu xa và cách hành trì nghiêm ngặt.

Trong số 53 vị Thiện trí thức, họ có những trình độ nghiên cứu và học đạo khác nhau, thậm chí có cả những người theo Bà La Môn Giáo và Ấn Độ Giáo, nam cũng như nữ.

Ngoài chư vị Bồ Tát, Tỳ Kheo, Tỳ kheo ni, Ưu Bà tắc, Ưu Bà Di, lại còn có các vị trưởng giả, các vị tiên, các vua chúa, các Bà la môn, thiên thần, địa thần, thần trưởng, học giả.

Căn cứ theo tài liệu ghi chép trong “Thiện Tài 53 tham” của Trưởng Giả Hàng Thế Đồng, trong các minh sư này, có 3 vị “đại sĩ” (theo nguyên văn) quan trọng nhất:

(a) Trong Tham thứ 27, Thiện Tài đã tham bái Bồ Tát Quán Thế Âm khi đó Ngài đang ở núi Phổ Đà Lạc Ca. Bồ Tát đã giảng dạy cho Thiện Tài “Đại Bi Hành Môn” trong đó nói về “đại hạnh từ bi là quan trọng nhất trong tất cả các pháp môn”. Lần Tham cứu này có ảnh hưởng lớn lao nhất trên bước đường tu tập của Thiện Tài.

(b) Trong Tham thứ 51, Thiện Tài đến tham học với Ngài Đường Lai Hạ Sanh Di Lạc Tôn Phật ở núi Tì Lô, nước Hại An.

Đức Di Lạc đã giảng dạy cho Thiện Tài về nội dung của “Tâm Bồ Đề”.

Ngài cũng dự đoán: Nếu Thiện Tài kiên trì học hỏi và tu hành, không bao lâu sẽ ghé đến bến bờ công đức của Phật.

(c) Trong Tham thứ 52, Thiện Tài tham học với Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Lần cuối cùng này, Thiện Tài được Ngài Văn Thù giúp cho thành tựu được tất cả các pháp môn. Nhờ đó, đạt được cảnh giới “đại trí vô lượng”.

Ghi chú

Trong một số tư liệu khác, như của Mã Thụ Điền, Thiện Tài ở tham thứ 53, đã được Ngài Đại Hạnh Phổ Hỷ Bồ Tát giảng dạy về “Nhất Thiết Phật Sát Vi Trần Giáo Tam Muội Môn”.

Cuối cùng thì Thiện Tài cũng thành tựu viên mãn về Hạnh Nguyên Bồ Tát.

Như thế, những tham bái sau cùng này đã giúp Thiện Tài thực hiện được nguyện vọng đặc quả của mình.

Các nhà nghiên cứu Tây Phương (như Conze) nhận định: Quá trình học hỏi của Thiện Tài là một ví dụ điển hình mà Phật Giáo Đại Thừa dùng để thuyết minh về khái niệm “Tức thân thành Phật” của mọi tầng lớp Phật tử.

Thiện Tài trong phong cách thờ phụng

Hện nay, trong khoa đồ tượng học Trung Quốc, ở các ngôi chùa lớn nhỏ của nước này theo Thiền tông, ở phía bên trái của Quán Thế Âm Bồ Tát có đặt ngôi tượng của Đồng Tử Thiện Tài, trong tư thế cầu pháp học đạo.

Theo học giả Phùng Hữu Lan thì đây là hình ảnh ghi lại lần Tham học thứ 27 của Thiện Tài với Bồ Tát để được giáo hoá, là 1 trong 53 lần tìm học trong quá trình tu tập của vị Đồng tử này.

Tài liệu cũng viết thêm Đồng tử Thiện Tài đã được Bồ tát Quán Thế Âm giáo hoá, trong thời kỳ ở núi Lạc Ca, huyện Phổ Đà, rồi hiện thành Bồ Tát.

“Để phụ giúp Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát phổ độ chúng sanh, Thiện Tài Đồng tử liền hiện thành một cậu bé, là vị thị giả ở phía bên trái của Bồ Tát”.

Còn ở phía bên phải của quần tượng này, thường thể hiện một hải đảo, có một con thuyền nhỏ đang sang sông và một cậu bé. Điều này thể hiện cảnh cậu bé Thiện Tài đi tham vấn Bồ Tát Quán Thế Âm để thử cậu bé Thiện Tài có thành tâm thành ý hay không, Bồ tát Quán Thế Âm hoá thân thành người lái đò, khi đi trên biển cả, Bồ Tát liền hoá phép nổi sóng gió, như để thử thách, rồi khuyên Thiện Tài nên quay trở về. Tuy nhiên, Thiện Tài vẫn quyết tâm vượt biển.

LONG NỮ

Một số đồ tượng khác thì trình bày: ở bên phải của Bồ Tát Quán Thế Âm là một người nữ: đó là Long Nữ.

Chuyện tích Long Nữ có nhiều thuyết khác nhau, kể cả nội dung chính.

Theo “Phổ Đà Linh Ký Truyện”, phẩm 22, chúng liệu được xem là phổ biến nhất ở Trung Quốc về nhân vật này thì: Sự đắc đạo của Long Nữ (Thánh Vương) lại hoàn toàn khác với Thiện Tài Đồng Tử.

Nếu Thiện Tài phải trải qua 53 lần tham vấn, với trăm ngàn vất vả, khó khăn mới ngộ đạo, thì Long Nữ đã thành Bồ Tát một cách nhanh chóng.

Long Nữ - theo tài liệu trên - vốn là vị Thiên thần hộ pháp của Phật Giáo, con gái thứ hai của Sa Kịet La (Long Vương), một trong 12 vị Chư thiên. Long Nữ rất thông minh; khi vừa tròn 8 tuổi, một hôm bỗng nhiên được nghe Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát thuyết pháp ở Long Cung thánh điện, hoát nhiên đã giác ngộ.

Ngay sau đó, Long Nữ liền lên núi Linh Thứu đánh lễ đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, rồi được thành tựu Phật đạo, với thân “con rồng” (Long Nữ).

(Một thuyết khác: Long Nữ đã dùng viên ngọc vô giá của vua Sa Kịet Đà ban cho, để cúng giàng khắp mọi nơi, do đó đã đắc đạo).

HUYỀN THOẠI VỀ LONG NỮ

Trong Kinh Pháp Hba, phẩm Đề Bà có đoạn chép:

Một hôm, Bồ Tát Trí Tích cùng với Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi cùng bàn luận về vấn đề “phụ nữ đắc đạo”.

Ngài Trí Tích sau khi dẫn giải trường hợp của Long Nữ, liền hỏi Ngài Văn Thù rằng:

- Phật kinh vốn thâm sâu, vi diệu, quả là của quý trên trần gian; chúng sanh cần phải tinh tấn, chăm chỉ, gian khổ tu hành không ngừng, về sau mới có thể đắc quả được. Nhưng liệu có trường hợp nào lập tức đắc quả được hay không?

Văn Thù Bồ Tát trả lời:

- Có con gái của Sa Kiết Long Vương, khi mới 8 tuổi, đã có đủ khả năng thọ trì diệu pháp, thâm nhập thiền định, biểu đạt chư pháp, chỉ có trong vòng 1 sát na (tức là 1/37 giây) phát tâm Bồ đề, liền đắc chánh quả ngay.

Bồ Tát Trí Tích nghe xong, tỏ ra nghi ngờ về trường hợp này, liền hỏi:

Tôi thấy rằng: Ngay cả đức Thích Ca Như Lai, Ngài cũng phải trải qua vô số kiếp nạn, phải chuyên tâm tu luyện rất gian khổ, phải kiên trì không ngừng nghỉ, phải khó khăn lắm mới thành chánh quả. Long Nữ chỉ trong chớp mắt 1 sát na, đã thành đạo hay sao?

Trong khi hai vị Bồ Tát đang bàn luận, thì Long Nữ đã đột nhiên xuất hiện trước mặt, lễ bái ngài Trí Tích. Khi đó ngài Xá Lợi Phất, một trong 10 đại đệ tử của Phật cũng có mặt, tỏ ra nghi ngờ hơn.

Long Nữ chỉ cười mà không trả lời; cô liền lấy từ trong người ra một viên ngọc rất to, giá trị của viên ngọc bằng “tam thiên thế giới”. Long Nữ liền mang viên ngọc quý dâng lên đức Phật. Đức Bồ Sư lập tức chìa tay đón lấy, tỏ ra vô cùng hoan hỷ.

Long Nữ lập tức biến thành nam giới, có đầy đủ đức hạnh của một vị Bồ Tát, liền văn sanh về thế giới thanh tịnh, ngồi trên đài sen, thành Chánh Đẳng, Chánh Giác.

Để giúp đỡ Bồ Tát Quán Thế Âm phổ độ chúng sanh, Long Nữ liền biến thành nữ nhân, trở thành vị thị giả đứng về phía bên phải, đối xứng với Thiện Tài Đồng Tử.